

| STT | SBD    | Họ                | Tên    | Ngày sinh  | Giới tính | Lớp | Nơi sinh | Trường Đạu NV2         | Tổng điểm thường |
|-----|--------|-------------------|--------|------------|-----------|-----|----------|------------------------|------------------|
| 1   | 121767 | Nguyễn Hoàng Đan  | Châu   | 04/11/2004 | FALSE     | 9/1 | TP. HCM  | THPT NGUYỄN THÁI BÌNH  | 29.25            |
| 2   | 121891 | Ngô Quốc          | Khánh  | 02/09/2004 | TRUE      | 9/1 | TP.HCM   | THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH  | 24.75            |
| 3   | 122026 | Nguyễn Trọng      | Nguyên | 24/05/2004 | TRUE      | 9/1 | Kon Tum  | THPT NGUYỄN THỊ DIỆU   | 25               |
| 4   | 122033 | Phạm Thiện        | Nhân   | 19/09/2004 | TRUE      | 9/1 | Bến Tre  | THPT NGUYỄN THÁI BÌNH  | 31.25            |
| 5   | 122281 | Nguyễn Bùi Hữu    | Trường | 31/10/2004 | TRUE      | 9/1 | TP.HCM   | THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH  | 23.25            |
| 6   | 122315 | Phạm Thạch Anh    | Vũ     | 21/04/2004 | TRUE      | 9/1 | TP.HCM   | THPT HÀN THUYỀN        | 26.25            |
| 7   | 93021  | Nguyễn Ngọc Hoàng | Uyên   | 14/04/2004 | FALSE     | 9/1 | TP.HCM   | THPT NGUYỄN KHUYẾN     | 32.25            |
| 8   | 121747 | Lê Đoàn Ngọc      | Ánh    | 11/02/2004 | FALSE     | 9/2 | TP.HCM   | THPT NGUYỄN THÁI BÌNH  | 31.25            |
| 9   | 121763 | Nguyễn Ngọc Thanh | Bình   | 11/02/2004 | FALSE     | 9/2 | TP. HCM  | THPT NGUYỄN THỊ DIỆU   | 30.5             |
| 10  | 121975 | Vũ Văn            | Minh   | 08/05/2004 | TRUE      | 9/2 | TP.HCM   | THPT MARIE CURIE       | 33.25            |
| 11  | 122020 | Trần Thị Hồng     | Ngọc   | 26/11/2004 | FALSE     | 9/2 | TP.HCM   | THPT NGUYỄN THỊ DIỆU   | 31               |
| 12  | 122030 | Liên Trọng        | Nhân   | 13/04/2004 | TRUE      | 9/2 | TP.HCM   | THPT NGUYỄN AN NINH    | 24.75            |
| 13  | 122048 | Phạm Tâm          | Nhi    | 01/03/2004 | FALSE     | 9/2 | TP.HCM   | THPT NGUYỄN THỊ DIỆU   | 30.75            |
| 14  | 122154 | Vũ Nguyễn Nhật    | Tân    | 20/06/2004 | TRUE      | 9/2 | TP.HCM   | THPT NGÔ GIA TỰ        | 20.75            |
| 15  | 122197 | Đình Quang        | Thịnh  | 27/08/2004 | TRUE      | 9/2 | TP. HCM  | THPT NGUYỄN VĂN LINH   | 21               |
| 16  | 122332 | Phạm Đào Thanh    | Xuân   | 10/06/2004 | FALSE     | 9/2 | TP. HCM  | THPT NGUYỄN THÁI BÌNH  | 29.5             |
| 17  | 121826 | Nguyễn Lê Gia     | Hân    | 28/01/2004 | FALSE     | 9/3 | TP.HCM   | THPT NGUYỄN THÁI BÌNH  | 29.25            |
| 18  | 121850 | Vũ Công           | Hoan   | 14/04/2004 | TRUE      | 9/3 | TP.HCM   | THPT LÊ THỊ HỒNG GẮM   | 23.5             |
| 19  | 121853 | Trương Minh       | Hoàng  | 02/10/2004 | TRUE      | 9/3 | TP.HCM   | THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH  | 23.75            |
| 20  | 122174 | Nguyễn Đức        | Thành  | 07/06/2004 | TRUE      | 9/3 | TP.HCM   | THPT NGUYỄN AN NINH    | 26.75            |
| 21  | 122255 | Trịnh Thị Linh    | Trang  | 09/08/2004 | FALSE     | 9/3 | Nam Định | THPT NGUYỄN AN NINH    | 28.25            |
| 22  | 122294 | Nguyễn Ngọc       | Tuyền  | 30/10/2004 | FALSE     | 9/3 | TP.HCM   | THPT NAM KỲ KHỎI NGHĨA | 26.25            |
| 23  | 122336 | Trần Thị Kim      | Yến    | 31/08/2004 | FALSE     | 9/3 | TP.HCM   | THPT NGÔ GIA TỰ        | 21.75            |
| 24  | 121717 | Đặng Nguyễn Tuyết | Anh    | 03/11/2004 | FALSE     | 9/4 | Tp.HCM   | THPT NGUYỄN AN NINH    | 27.25            |

|    |        |                    |        |            |       |     |            |                       |       |
|----|--------|--------------------|--------|------------|-------|-----|------------|-----------------------|-------|
| 25 | 121753 | Bùi Bảo            | Bảo    | 30/01/2004 | TRUE  | 9/4 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN VĂN LINH  | 20.5  |
| 26 | 121864 | Nguyễn Thị Mỹ      | Hương  | 11/09/2004 | FALSE | 9/4 | TP. HCM    | THPT VĨNH LỘC B       | 23.5  |
| 27 | 122124 | Nguyễn Hoàng       | Quý    | 04/03/2004 | TRUE  | 9/4 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN AN NINH   | 28    |
| 28 | 122170 | Trần Kim           | Thanh  | 22/02/2004 | FALSE | 9/4 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN KHUYẾN    | 34.5  |
| 29 | 92923  | Nguyễn Hà          | Thư    | 26/04/2004 | FALSE | 9/4 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN DU        | 36.75 |
| 30 | 121727 | Nguyễn Kim Triều   | Anh    | 04/06/2004 | FALSE | 9/5 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN THÁI BÌNH | 30.25 |
| 31 | 121813 | Đinh Nguyễn Châu   | Giang  | 09/02/2004 | FALSE | 9/5 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN AN NINH   | 25.5  |
| 32 | 122084 | Nguyễn Huỳnh Thiên | Phú    | 07/12/2004 | TRUE  | 9/5 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN AN NINH   | 26.25 |
| 33 | 122200 | Phan Trường        | Thịnh  | 10/06/2004 | TRUE  | 9/5 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN AN NINH   | 29.5  |
| 34 | 122270 | Nguyễn Ngọc        | Trọng  | 17/06/2004 | TRUE  | 9/5 | Cà Mau     | THPT NGUYỄN AN NINH   | 30.25 |
| 35 | 122316 | Bùi Nguyễn Minh    | Vy     | 10/05/2004 | FALSE | 9/5 | TP.HCM     | THPT MARIE CURIE      | 30.75 |
| 36 | 121775 | Nguyễn Hoàng       | Chương | 02/04/2004 | TRUE  | 9/6 | TP.HCM     | THPT TÂY THẠNH        | 34.5  |
| 37 | 121803 | Nguyễn Lê          | Duy    | 21/01/2004 | TRUE  | 9/6 | Tiền Giang | THPT NGUYỄN AN NINH   | 25    |
| 38 | 121878 | Dương Văn          | Khải   | 28/01/2004 | TRUE  | 9/6 | Nam Định   | THPT VĨNH LỘC B       | 22.75 |
| 39 | 121881 | Nguyễn Chánh       | Khang  | 04/09/2004 | TRUE  | 9/6 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN AN NINH   | 25.5  |
| 40 | 122040 | Hoàng Lê Yến       | Nhi    | 14/11/2004 | FALSE | 9/6 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN THÁI BÌNH | 30.75 |
| 41 | 122043 | Lê Tuyết           | Nhi    | 14/11/2004 | FALSE | 9/6 | TP.HCM     | THPT NĂNG KHIẾU TDTT  | 21    |
| 42 | 122106 | Nguyễn Thùy        | Phương | 26/08/2004 | FALSE | 9/6 | TP.HCM     | THPT TRẦN KHAI NGUYỄN | 34.5  |
| 43 | 121740 | Phan Nguyễn Ngọc   | Anh    | 06/07/2004 | FALSE | 9/7 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN AN NINH   | 30    |
| 44 | 121793 | Nguyễn Minh        | Đức    | 17/05/2004 | TRUE  | 9/7 | Nam Định   | THPT HÀN THUYỀN       | 25.25 |
| 45 | 121922 | Vũ Trần Thiên      | Kim    | 05/12/2004 | FALSE | 9/7 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN KHUYẾN    | 34    |
| 46 | 121851 | Hồ Huy             | Hoàng  | 07/04/2004 | TRUE  | 9/8 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN KHUYẾN    | 35.5  |
| 47 | 121892 | Hoàng Nguyễn Gia   | Khiêm  | 17/03/2004 | TRUE  | 9/8 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN THÁI BÌNH | 30.5  |
| 48 | 94494  | Trần Phượng Anh    | Vy     | 12/09/2004 | FALSE | 9/8 | TP.HCM     | THPT NGUYỄN KHUYẾN    | 34    |